

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13/3/2025.

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Hòa.

Ông Trương Văn Mên.

- Thư ký phiên toà: Ông Chung Hữu Toàn, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại hai điểm cầu:

a/ Điểm cầu Trung tâm: Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: Số E, đường S, khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

b/ Điểm cầu thành phần: Tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hôn nhân thụ lý số: 104/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11/11/2024, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2025/QĐXXST-HN, ngày 25/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thạch Thị D, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Ông Rọt Sô P, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người phiên dịch: Ông Kim Na R, nguyên Cán bộ phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cầu Ngang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Thạch Thị D trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà và ông P xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 16/3/1995 tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, bà và ông P có quen nhau hơn 01 năm, có làm lễ cưới theo phong tục tập quán. Nữ trang ngày cưới không có tặng cho.

Sau ngày cưới ông P không lo làm ăn, không phụ giúp gì cho gia đình, ông tham gia uống rượu thường xuyên, về nhà lúc đêm khuya, ông chửi bà rất nhiều lần, khi bà mang thai và sinh 02 con, ông P đều bỏ mặt, không quan tâm đến, mình bà tự lo liệu, sự việc kéo dài khoảng 03 năm, do ông P không sửa đổi, khắc phục nên không thể nào sống được, đến tháng 7 năm 2012 bà đi lên thành phố Hồ Chí Minh làm thuê giúp việc nhà,...01 năm bà về nhà một lần, ông P tiếp tục kiểm chuyện chửi bà, mâu thuẫn tiếp tục xảy ra dẫn đến cãi vã nhau, gây gổ nhau, vợ chồng ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

- *Về nuôi con tên:* Bà và ông P chung sống sinh 02 người con tên Rọt Sô P1, sinh ngày 06/02/1998 và Rọt Thị M, sinh ngày 02/4/1999, hiện các con đã thành niên, sống tự lập, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu phải trả:* Bà không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, bị đơn ông Rọt S Phanh vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà D, xử cho bà D được ly hôn với ông P, về nuôi con, hiện các con đã thành niên nên không xem xét giải quyết, về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết, buộc bà D nộp án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy ông R1 Sô Phanh là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, ông Rọt S Phanh vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Bà D khởi kiện xin ly hôn với ông P, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy bà D, ông P xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 16/3/1995 tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn:

- *Bà Thạch Thị D khai*: Sau ngày cưới ông P không lo làm ăn, không phụ giúp gì cho gia đình, ông tham gia uống rượu thường xuyên, về nhà lúc đêm khuya, ông chửi bà rất nhiều lần, khi bà mang thai và sinh 02 con, ông P đều bỏ mặt, không quan tâm đến, mình bà tự lo liệu, sự việc kéo dài khoảng 03 năm, do ông P không sửa đổi, khắc phục nên không thể nào sống được, đến tháng 7 năm 2012 bà đi lên thành phố Hồ Chí Minh làm thuê giúp việc nhà,...01 năm bà về nhà một lần, ông P tiếp tục kiểm chuyện chửi bà, mâu thuẫn tiếp tục xảy ra dẫn đến cãi vã nhau, gây gỗ nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn lại được. Nay bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

- *Đối với ông Rọt Sô P*: Tòa án ra thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giao cho ông P nhận để ông tham gia tố tụng theo quy định pháp luật, tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ông P đều vắng mặt không lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được, hôm nay tại phiên tòa xét xử lần nhất, ông P tiếp tục vắng mặt. Ngày 26/12/2024 ông P có cung cấp lời khai cho Tòa án là ông P đồng ý ly hôn với bà D, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D, ông P xảy ra từ năm 2013 kéo dài đến nay, ông bà đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, tính đến nay vợ chồng sống ly thân hơn 12 năm, trong thời gian dài ông bà không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn tiếp tục xảy ra. Tại phiên tòa bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin ly hôn với ông P, còn ông P đồng ý ly hôn với bà D. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà D, xử cho bà D được ly hôn với ông P là đúng quy định của pháp luật.

- *Về nuôi con:* Xét thấy bà D và ông P chung sống sinh 02 người con tên Rọt Sô P1, sinh ngày 06/02/1998 và Rọt Thị M, sinh ngày 02/4/1999, hiện các con đã thành niên và sống tự lập, bà D và ông P không đặt ra yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Do bà D và ông P không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Thạch Thị D có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời trình bày của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Thạch Thị D.

- *Về hôn nhân:* Xử cho bà Thạch Thị D được ly hôn với ông Rọt Sô P.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc bà Thạch Thị D nộp 300.000 đồng, án phí nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011450, ngày 07/11/2024 do bà Thạch Thị D nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Bà Thạch Thị D đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Bà Thạch Thị D có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Ông Rọt S Phanh vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự” ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã Kim Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm